

Lai Châu, ngày tháng 7 năm 2025

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH
DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ VỚI CÁC QUYẾT ĐỊNH: SỐ 30/2020/QĐ-UBND ngày 25/8/2020; SỐ 30/2021/QĐ-UBND ngày 23/8/2021; SỐ 07/2024/QĐ-UBND ngày 31/01/2024; SỐ 50/2024/QĐ-UBND ngày 11/10/2024; SỐ 06/2025/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 CỦA UBND TỈNH LAI CHÂU

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN QPPL SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ	THUYẾT MINH
Chương I. Bổ sung, thay thế một số cụm từ tại Điều 5, 6 của Quyết định số 30/2020/QĐ-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2020 của UBND tỉnh Lai Châu Quy định mật chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2020 - 2030		
<i>Sửa đổi khoản 1, khoản 2 Điều 5, Quy định kèm theo Quyết định số 30/2020/QĐ-UBND</i>	<i>Điều 1 Chương I</i>	
1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Phối hợp với các cơ quan liên quan, phổ biến, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện của các huyện, thành phố đảm bảo mật độ chăn nuôi theo quy định tại Quyết định này.	1. Sở Nông nghiệp và Môi trường: Phối hợp với các cơ quan liên quan, phổ biến, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện của các xã, phường đảm bảo mật độ chăn nuôi theo quy định tại Quyết định này	Do thực hiện sáp nhập Sở Nông nghiệp và PTNT với Sở Tài nguyên và Môi trường nên cần thay thế cụm từ “ <i>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</i> ” bằng cụm từ “ <i>Sở Nông nghiệp và Môi trường</i> ” để phù hợp với tên gọi mới của cơ quan quản lý nhà nước.
2. UBND cấp huyện: Tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo mật độ chăn nuôi trên địa bàn; phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và PTNT xác định diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn để xác định mật độ và chỉ đạo phát triển chăn nuôi cho phù hợp với mật độ quy định.	2. UBND các xã, phường: Tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo mật độ chăn nuôi trên địa bàn; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường xác định diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn để xác định mật độ và chỉ đạo phát triển chăn nuôi cho phù hợp với mật độ quy định.	Đề xuất thay cụm từ “ <i>UBND cấp huyện</i> ” bằng “ <i>UBND các xã, phường</i> ” vì hiện nay địa phương thực hiện mô hình chính quyền hai cấp (cấp tỉnh và cấp xã), không còn tổ chức UBND cấp huyện. Do đó, các nhiệm vụ trước đây do UBND cấp huyện đảm nhận được chuyển giao cho UBND cấp xã, phường thực hiện. - Đề xuất thay cụm từ “ <i>Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và PTNT</i> ”

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN QPPL SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ	THUYẾT MINH
		bằng cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường”, do thực hiện sáp nhập 2 Sở.
1.2. Sửa đổi Điều 6, Quy định kèm theo Quyết định số 30/2020/QĐ-UBND		
Điều 6. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15/9/2020, Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.	Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15/9/2020, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.	- Đề xuất thay cụm từ “Sở Nông nghiệp và PTNT” bằng cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường”, và cụm từ “Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân các xã, phường”. Lý do như đã nêu tại mục 1.1.
Chương II. Sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 23/8/2021 của UBND tỉnh Lai Châu về quy định phân cấp cho UBND huyện, thành phố phê duyệt hỗ trợ liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lai Châu		
Tên Quyết định: Quy định phân cấp cho UBND huyện, thành phố phê duyệt hỗ trợ liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lai Châu	Điều 3, Điều 4 Chương II Quy định phân cấp cho UBND xã, phường phê duyệt hỗ trợ liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lai Châu	Thay cụm từ “huyện, thành phố” bằng cụm từ “xã, phường” do Không còn cấp huyện, thực hiện chính quyền địa phương hai cấp
Điều 1: Phân cấp cho UBND huyện, thành phố phê duyệt hỗ trợ liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp 1. Phê duyệt các dự án hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết trên địa bàn huyện, thành phố không phụ thuộc vào quy mô vốn đầu tư. Trừ các dự án hoặc kế hoạch liên kết thực hiện trên địa bàn từ 2 huyện, thành phố trở lên. 2. Hàng năm, UBND huyện, thành phố căn cứ các dự án, kế hoạch liên kết được phê duyệt và nhu cầu vốn hỗ trợ, tổng hợp, đăng ký kinh phí thực hiện chính sách gửi Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính trước ngày 30/9 năm trước kế hoạch (đối với	Điều 3, Điều 4 Chương II Phân cấp cho UBND xã, phường phê duyệt hỗ trợ liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp 1. Phê duyệt các dự án hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết trên địa bàn xã, phường không phụ thuộc vào quy mô vốn đầu tư. Trừ các dự án hoặc kế hoạch liên kết thực hiện trên địa bàn từ 2 xã, phường trở lên. 2. Hàng năm, UBND xã, phường căn cứ các dự án, kế hoạch liên kết được phê duyệt và nhu cầu vốn hỗ trợ, tổng hợp, đăng ký kinh phí thực hiện chính sách gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính trước ngày 30/9 năm trước kế hoạch (đối với các dự án,	- Thay thế cụm từ “huyện, thành phố” bằng cụm từ “xã, phường” do không còn cấp huyện, thực hiện chính quyền địa phương hai cấp - Thay thế cụm từ “Sở Nông nghiệp và PTNT” bằng cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường” vì sửa đổi tên các cơ quan chuyên môn cho phù hợp với Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 20/2/2025 của HĐND tỉnh Lai Châu

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN QPPL SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ	THUYẾT MINH
<p>các dự án, kế hoạch liên kết phát sinh, UBND các huyện, thành phố báo cáo, đề nghị Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp tổng hợp, trình UBND tỉnh bổ sung kinh phí).</p> <p>Hồ sơ đăng ký gồm: Tờ trình đề nghị giao kinh phí của UBND huyện, thành phố; dự án, kế hoạch liên kết đã phê duyệt.</p>	<p>kế hoạch liên kết phát sinh, UBND các xã, phường báo cáo, đề nghị Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, trình UBND tỉnh bổ sung kinh phí).</p> <p>Hồ sơ đăng ký gồm: Tờ trình đề nghị giao kinh phí của UBND xã, phường; dự án, kế hoạch liên kết đã phê duyệt.</p>	
<p>Điểm b, điểm d khoản 1, điểm a khoản 2, điểm a khoản 3, điểm a khoản 4 Điều 2</p> <p>1. Trách nhiệm Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố</p> <p>a). Tổ chức thực hiện các nội dung được phân cấp, chịu trách nhiệm trước pháp luật và UBND cấp tỉnh về quyết định của mình đối với việc thẩm định, phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết theo quy định.</p> <p>b). Tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân tăng cường liên kết theo chuỗi giá trị sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, khuyến khích và ưu tiên hỗ trợ các sản phẩm chủ lực do UBND tỉnh ban hành. Tuyên truyền đến nhân dân các Nghị quyết, Đề án, chính sách về khuyến khích, hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện, thành phố.</p> <p>c). Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn hướng dẫn xây dựng dự án, kế hoạch liên kết và hồ sơ hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân. Thực hiện phê duyệt, cấp phát kinh phí hỗ trợ theo đúng thời gian, thủ tục quy định.</p> <p>d). Tổ chức kiểm tra tình hình thực hiện hỗ trợ liên kết trên địa bàn. Báo cáo định kỳ hàng tháng, 6 tháng, hàng năm (chậm nhất</p>	<p>Điều 3, Điều 4 Chương II</p> <p>1. Trách nhiệm Ủy ban nhân dân các xã, phường</p> <p>a). Tổ chức thực hiện các nội dung được phân cấp, chịu trách nhiệm trước pháp luật và UBND cấp tỉnh về quyết định của mình đối với việc thẩm định, phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết theo quy định.</p> <p>b). Tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân tăng cường liên kết theo chuỗi giá trị sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, khuyến khích và ưu tiên hỗ trợ các sản phẩm chủ lực do UBND tỉnh ban hành. Tuyên truyền đến nhân dân các Nghị quyết, Đề án, chính sách về khuyến khích, hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã, phường.</p> <p>c). Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn hướng dẫn xây dựng dự án, kế hoạch liên kết và hồ sơ hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân. Thực hiện phê duyệt, cấp phát kinh phí hỗ trợ theo đúng thời gian, thủ tục quy định.</p> <p>d). Tổ chức kiểm tra tình hình thực hiện hỗ trợ liên kết trên địa bàn. Báo cáo định kỳ hàng tháng, 6 tháng, hàng năm (chậm nhất vào ngày 20 của tháng cuối kỳ) về UBND tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường).</p>	<p>- Thay thế cụm từ “<i>huyện, thành phố</i>” bằng cụm từ “<i>xã, phường</i>” do không còn cấp huyện, thực hiện chính quyền địa phương hai cấp</p> <p>- Thay thế cụm từ “<i>Sở Nông nghiệp và PTNT</i>” bằng cụm từ “<i>Sở Nông nghiệp và Môi trường</i>” vì sửa đổi tên các cơ quan chuyên môn cho phù hợp với Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 20/2/2025 của HĐND tỉnh Lai Châu</p>

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN QPPL SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ	THUYẾT MINH
<p>vào ngày 20 của tháng cuối kỳ) về UBND tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).</p> <p>2. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và PTNT</p> <p>a). Chủ trì tổng hợp kinh phí hỗ trợ liên kết gửi trước ngày 30/10 hàng năm về Sở Tài chính để trình UBND tỉnh phê duyệt giao cho UBND huyện, thành phố thực hiện hỗ trợ.</p> <p>b). Chủ trì, phối hợp với các bên liên quan kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và các cơ quan liên quan theo quy định.</p> <p>3. Trách nhiệm của Sở Tài chính</p> <p>a). Tổng hợp, thẩm định, tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt kinh phí hỗ trợ các dự án, kế hoạch liên kết cho các huyện, thành phố trước ngày 31/12 năm trước.</p> <p>b). Chủ trì hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, báo cáo tình hình giải ngân, thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ liên kết trên địa bàn tỉnh.</p> <p>4. Các Sở ngành liên quan</p> <p>a). Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, báo cáo tình hình thực hiện hỗ trợ liên kết.</p> <p>b). Tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân tăng cường liên kết theo chuỗi giá trị sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Tuyên truyền các chủ trương, Nghị quyết, Đề án sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.</p>	<p>2. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp Môi trường</p> <p>a). Chủ trì tổng hợp kinh phí hỗ trợ liên kết gửi trước ngày 30/10 hàng năm về Sở Tài chính để trình UBND tỉnh phê duyệt giao cho UBND xã, phường thực hiện hỗ trợ.</p> <p>b). Chủ trì, phối hợp với các bên liên quan kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và các cơ quan liên quan theo quy định.</p> <p>3. Trách nhiệm của Sở Tài chính</p> <p>a). Tổng hợp, thẩm định, tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt kinh phí hỗ trợ các dự án, kế hoạch liên kết cho các xã, phường trước ngày 31/12 năm trước.</p> <p>b). Chủ trì hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, báo cáo tình hình giải ngân, thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ liên kết trên địa bàn tỉnh.</p> <p>4. Các Sở ngành liên quan</p> <p>a). Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, báo cáo tình hình thực hiện hỗ trợ liên kết.</p> <p>b). Tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân tăng cường liên kết theo chuỗi giá trị sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Tuyên truyền các chủ trương, Nghị quyết, Đề án sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.</p>	
<p>Điều 3</p> <p>Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 9 năm 2021, Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Chủ tịch Ủy</p>	<p>Điều 3, Điều 4, Điều 5 Chương II</p> <p>Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 9 năm 2021, Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường;</p>	<p>Thay thế cụm từ “Sở Nông nghiệp và PTNT” bằng cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường”; cụm từ “huyện, thành phố” bằng cụm từ “xã, phường”; bỏ</p>

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN QPPL SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ	THUYẾT MINH
ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các sở, ban, ngành và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.	Thủ trưởng các sở, ban, ngành và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.	cụm từ “ <i>Sở Kế hoạch và Đầu tư</i> ” do không còn cấp huyện, thực hiện chính quyền địa phương hai cấp và sửa đổi tên các cơ quan chuyên môn cho phù hợp với Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 20/02/2025 của HĐND tỉnh Lai Châu.
Chương III. Quyết định số 07/2024/QĐ-UBND ngày 31/01/2024 của UBND tỉnh Lai Châu Quy định khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn trên địa bàn tỉnh Lai Châu		
3.1. Sửa Điều 2, Quy định kèm theo Quyết định số 07/2024/QĐ-UBND ngày 31/01/2024 của UBND tỉnh Lai Châu Quy định khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn trên địa bàn tỉnh Lai Châu		
<p>Điều 2. Quy định về khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn trên địa bàn tỉnh</p> <p>Khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn được quy định tại Phụ lục kèm theo Quyết định này</p>	<p>Điều 6. Sửa đổi, bổ sung Điều 2 “Quy định về khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn trên địa bàn tỉnh</p> <p>Thay thế Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 07/2024/QĐ-UBND ngày 31/01/2024 của UBND tỉnh Lai Châu Quy định khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn trên địa bàn tỉnh Lai Châu, bằng Phụ lục “Khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn” ban hành kèm theo Quyết định này</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Sửa đổi Điều 2 thành Điều 6 - Sửa đổi bổ sung, thay đổi địa danh tên xã, thị trấn tại Phụ lục kèm theo Quyết định, do sáp nhập các xã mới, theo mô hình chính quyền 2 cấp.
3.2. Sửa đổi khoản 1 và điểm a khoản 1 Điều 3, Quy định kèm theo Quyết định số 07/2024/QĐ-UBND		
<p>Khoản 1 và điểm a khoản 1 Điều 3</p> <p>1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</p> <p>a) Chủ trì, phối hợp với các ngành chức năng, cơ quan, đơn vị có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân chấp hành tốt các quy định tại Quyết định này khi tham gia hoạt động khai thác thủy sản.</p>	<p>Điều 7 chương III</p> <p>1. Sở Nông nghiệp và Môi trường</p> <p>a) Chủ trì, phối hợp với các ngành chức năng, cơ quan, đơn vị có liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân chấp hành tốt các quy định tại Quyết định này khi tham gia hoạt động khai thác thủy sản.</p>	<p>Thay cụm từ “Sở Nông nghiệp và PTNT” bằng cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường”, và cụm từ “Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân các xã, phường”. Lý do như mục 3.1 đã nêu ở trên</p>

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN QPPL SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ	THUYẾT MINH
3.3. Sửa đổi khoản 3 Điều 3		
Khoản 3, Điều 3 3. Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, triển khai các hoạt động liên quan đến tài nguyên nước.	Điều 7, Chương III 3. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, triển khai các hoạt động liên quan đến tài nguyên nước.	Thay cụm từ “Sở Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường”
3.4. Sửa đổi điểm a, điểm b khoản 5 Điều 3		
Điểm a, b khoản 5 Điều 3 5. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	Điều 7, Chương III 5. Ủy ban nhân dân các xã, phường	Thay cụm từ “ <i>Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố</i> ” bằng cụm từ “ <i>Ủy ban nhân dân các xã, phường</i> ”
a) Xây dựng kế hoạch triển khai nhiệm vụ tại Quyết định này trên địa bàn huyện để tổ chức, thực hiện. Chỉ đạo các lực lượng chức năng, các phòng ban chuyên môn, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tổ chức phổ biến, tuyên truyền, tuần tra, kiểm soát, xử lý các vi phạm theo quy định. Triển khai thực hiện thủ tục hành chính về công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại địa phương.	a) Xây dựng kế hoạch triển khai nhiệm vụ tại Quyết định này trên địa bàn để tổ chức, thực hiện. Chỉ đạo các lực lượng chức năng, các phòng ban chuyên môn, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tổ chức phổ biến, tuyên truyền, tuần tra, kiểm soát, xử lý các vi phạm theo quy định. Triển khai thực hiện thủ tục hành chính về công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại địa phương.	Đề xuất bỏ từ “ <i>huyện</i> ” và “ <i>Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn</i> ”. Vì các nhiệm vụ trên đã chuyển về cấp xã triển khai thực hiện
b) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã phổ biến, tuyên truyền và thành lập tổ đội quản lý, thường xuyên tuần tra, kiểm soát trong các tháng cao điểm thuộc khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn theo quy định.	b) Phổ biến, tuyên truyền và thành lập tổ đội quản lý, thường xuyên tuần tra, kiểm soát trong các tháng cao điểm thuộc khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn theo quy định.	Bãi bỏ cụm từ “ <i>Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã</i> ” do không còn phù hợp với chức năng quản lý theo mô hình tổ chức mới.
3.5. Sửa đổi Điều 4		
Điều 4 Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Tài Chính, Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi	Điều 8 Chương III Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài Chính, Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.	- Thay cụm từ “Sở Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường”. Do sáp nhập Sở Nông nghiệp và PTNT và Sở Tài nguyên và Môi trường thành Sở Nông nghiệp và Môi trường; - Thay cụm từ “Chủ tịch

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN QPPL SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ	THUYẾT MINH
hành Quyết định này./.		Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố” bằng cụm từ “ Chủ tịch Ủy ban nhân dân các các xã, phường”
3.6. Sửa đổi Phụ lục kèm theo đối Quyết định số 07/2024/QĐ-UBND ngày 31/01/2024 của UBND tỉnh Lai Châu Quy định khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn trên địa bàn tỉnh Lai Châu		
I. Huyện Mường Tè; II. Huyện Nậm Nhùn; III. Huyện Sìn Hồ; IV. Huyện Tân Uyên; V. Huyện Than Uyên		Bỏ tên các huyện. Do thực hiện chính quyền 2 cấp (tỉnh và xã)
Cột thứ 2 “Khu vực cấm”, cột thứ 3 “xã”	Cột thứ 2 “Khu vực cấm”, cột thứ 3 “xã”	
- Khu vực cấm: “Vùng ngập nước tại bản Nậm Hạ - xã Can Hồ, cách UBND xã Can Hồ 1,6 km (theo đường bộ)” - Xã: “Can Hồ”.	- Khu vực cấm: “Vùng ngập nước tại bản Nậm Hạ - xã Bum Tở, cách UBND xã Can Hồ (cũ) 1,6 km (theo đường bộ)” - Xã: “Bum Tở”.	- Sửa đổi bổ sung, thay đổi địa danh tên xã, thị trấn do sáp nhập các xã mới, theo mô hình chính quyền 2 cấp. - Bổ sung cụm từ “cũ” để dễ hình dung địa điểm khu vực cấm khai thác, sau khi các xã sáp nhập.
- Khu vực cấm: “Vùng ngập nước thuộc khu 3, khu 11, khu 12 - TT Mường Tè, cách UBND huyện Mường Tè 0,8km (theo đường bộ). - Xã: “TT Mường Tè”.	- Khu vực cấm: “Vùng ngập nước thuộc khu 3, khu 11, khu 12 – xã Bum Tở, cách UBND huyện Mường Tè (cũ) 0,8km (theo đường bộ). - Xã: “Bum Tở”.	
- Khu vực cấm: “Vùng ngập nước bản Co Mùn - xã Lê Lợi, cách cầu Lai Hà gần 2 km (theo đường bộ - hướng đi về Nậm Nhùn)”.	- Khu vực cấm: “Vùng ngập nước bản Co Mùn - xã Lê Lợi, cách cầu Lai Hà gần 2 km (theo đường bộ - hướng đi về xã Nậm Hàng)”.	
- Khu vực cấm: Vùng nước ngập bản Nậm Ty - xã Nậm Hàng, cách UBND xã Nậm Hàng 1,5 km (theo đường bộ).	- Khu vực cấm: Vùng nước ngập bản Nậm Ty - xã Nậm Hàng, cách UBND xã Nậm Hàng (cũ) 1,5 km (theo đường bộ).	
- Khu vực cấm: “Vùng nước ngập thuộc Tổ dân phố Pa Kéo - Thị trấn Nậm Nhùn, cách UBND thị trấn Nậm Nhùn 0,1km (theo đường bộ) (phía sau UBND thị trấn)”. - Xã: “Thị trấn Nậm Nhùn”	- Khu vực cấm: “Vùng nước ngập thuộc Tổ dân phố Pa Kéo – xã Nậm Hàng, cách UBND thị trấn Nậm Nhùn (cũ) 0,1km (theo đường bộ) (phía sau UBND thị trấn (cũ))”. - Xã: “Nậm Hàng”	
- Khu vực cấm: “Vùng ngập nước thuộc bản Huổi Mẩn - xã Nậm Chà, cách cầu Nậm Pồ 0,05km (theo đường bộ)”.	- Khu vực cấm: “Vùng ngập nước thuộc bản Huổi Mẩn - xã Mường Mô, cách cầu Nậm Pồ 0,05km (theo đường bộ)”.	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN QPPL SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ	THUYẾT MINH
- Xã: “Nậm Chà”	- Xã: “Mường Mô”	
- Khu vực cấm: “Vùng ngập nước tại bản Nậm Cha - xã Nậm Cha, cách UBND xã Nậm Cha 0,3 km (theo đường thủy)” - Xã: “Nậm Cha”	- Khu vực cấm: “Vùng ngập nước tại bản Nậm Cha - xã Nậm Tăm, cách UBND xã Nậm Cha (cũ) 0,3 km (theo đường thủy)” - Xã: “Nậm Tăm”.	
- Khu vực cấm: Vùng ngập nước tại bản Phiêng Lúc - xã Nậm Cắn, cách trường Tiểu học xã Nậm Cắn 0,5km (theo đường bộ). - Xã: “Nậm Cắn”.	- Khu vực cấm: Vùng ngập nước tại bản Phiêng Lúc - xã Tân Uyên, cách trường Tiểu học xã Nậm Cắn 0,5km (theo đường bộ). - Xã: “Tân Uyên”.	
- Khu vực cấm: “Vùng ngập nước thuộc bản Sàng, bản Mỏ - xã Khoen On, cách UBND xã Khoen On 0,4 km (theo đường bộ)”.	- Khu vực cấm: “Vùng ngập nước thuộc bản Sàng, bản Mỏ - xã Khoen On, cách UBND xã Khoen On (cũ) 0,4 km (theo đường bộ)”.	<div>- Sửa đổi bổ sung, thay đổi địa danh tên xã, thị trấn do sáp nhập các xã mới, theo mô hình chính quyền 2 cấp.</div> <div>- Bổ sung cụm từ “cũ” để dễ hình dung địa điểm khu vực cấm khai thác, sau khi các xã sáp nhập.</div>
- Khu vực cấm: “Vùng ngập nước tại bản Củng - xã Ta Gia, cách UBND xã Ta Gia 0,3 km (theo đường bộ)” - Xã: “Ta Gia”.	- Khu vực cấm: “Vùng ngập nước tại bản Củng - xã Khoen On, cách UBND xã Khoen On 0,3 km (theo đường bộ)” - Xã: “Khoen On”.	
- Khu vực cấm: “Vùng ruộng ngập nước tại bản Pá Khôm - xã Pha Mu, cách UBND xã Pha Mu 2 km (theo đường bộ)” - Xã: “Pha Mu”.	- Khu vực cấm: “Vùng ruộng ngập nước tại bản Pá Khôm - xã Mường Kim, cách UBND xã Pha Mu (cũ) 2 km (theo đường bộ)” - Xã: “Mường Kim”.	
- Khu vực cấm: “Vùng ngập nước tại Pù Quải - xã Mường Cang, cách bến đò Pá Hâu 0,3 km (theo đường thủy)” - Xã: “Mường Cang”.	- Khu vực cấm: “Vùng ngập nước tại Pù Quải - xã Than Uyên, cách bến đò Pá Hâu 0,3 km (theo đường thủy)” - Xã: “Than Uyên”.	
- Khu vực cấm: “Vùng ngập tại bản Khoang - xã Mường Mít, cách trường THCS xã Mường Mít 1 km (theo đường bộ)” - Xã: “Mường Mít”.	- Khu vực cấm: “Vùng ngập tại bản Khoang - xã Mường Than, cách trường THCS xã Mường Mít 1 km (theo đường bộ)” - Xã: “Mường Than”.	
Chương IV. Quyết định số 50/2024/QĐ-UBND ngày 11/10/2024 của UBND tỉnh ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại cây trồng, vật nuôi và hỗ trợ di dời vật nuôi khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu		
I. Tại Quyết định Điều 3. Chánh văn phòng UBND;	Điều 9, Chương 4	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN QPPL SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ	THUYẾT MINH
<p>Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng; Chánh thanh tra tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.</p>	<p>”Điều 3. Chánh văn phòng UBND; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tư pháp, Tài chính, Xây dựng; Chánh thanh tra tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.</p>	<p>Sửa đổi tên các cơ quan chuyên môn cho phù hợp với Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 20/2/2025 của HĐND tỉnh Lai Châu Hợp nhất, thành lập các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh Lai Châu.</p>
<p>II. Tại Quy định kèm theo</p>		
<p>1. Điều 3. Trong trường hợp các yếu tố Trong trường hợp các yếu tố cấu thành đơn giá bồi thường biến động làm tăng, giảm đơn giá bồi thường từ 20% trở lên, thì tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường báo cáo UBND cấp huyện có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh (<i>qua Sở Nông nghiệp và PTNT</i>) xem xét, quyết định.</p>	<p>Điều 10. “4. Trong trường hợp các yếu tố cấu thành đơn giá bồi thường biến động làm tăng, giảm đơn giá bồi thường từ 20% trở lên, thì tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (<i>qua Sở Nông nghiệp và Môi trường</i>) xem xét, quyết định.”</p>	<p>Không còn cấp huyện, thực hiện chính quyền địa phương hai cấp</p>
<p>2. Điều 4. Đối với các loại cây trồng chưa có trong Quy định này, Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường xác định các loại cây trồng tương đương tại Quy định để lập và phê duyệt phương án bồi thường. Trường hợp không xác định cây trồng tương đương thì Ủy ban nhân dân cấp huyện rà soát tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét.</p>	<p>Điều 11. “4. Đối với các loại cây trồng chưa có trong Quy định này, Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường xác định các loại cây trồng tương đương tại Quy định để lập và phê duyệt phương án bồi thường. Trường hợp không xác định cây trồng tương đương thì Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét.</p>	<p>Không còn cấp huyện, thực hiện chính quyền địa phương hai cấp</p>
<p>3. Điều 9. 1. UBND các huyện, thành phố a) Chỉ đạo Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường kiểm đếm đầy đủ chủng loại cây trồng, vật nuôi; chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp lý của số liệu trong việc kiểm đếm; xác định và phê duyệt mức bồi thường cụ thể. b) Chỉ đạo các phòng, ban chuyên</p>	<p>Điều 12. “Điều 9. Trách nhiệm thi hành 1. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường: Kiểm đếm đầy đủ chủng loại cây trồng, vật nuôi; chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp lý của số liệu trong việc kiểm đếm; xác định và phê duyệt mức bồi thường cụ thể. 2. Ủy ban nhân dân cấp xã: Chỉ</p>	<p>Hiện nay nhiệm vụ tổ chức thực hiện bồi thường được UBND tỉnh giao cho Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Lai Châu (trực thuộc UBND tỉnh) thực hiện. Không còn cấp huyện, thực</p>

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN QPPL SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ	THUYẾT MINH
<p>môn, UBND cấp xã tuyên truyền, hỗ trợ, chi trả kịp thời cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất trên địa bàn theo đúng quy định; thường xuyên theo dõi diễn biến giá cả trên địa bàn, báo cáo, đề xuất điều chỉnh, bổ sung đơn giá bồi thường, hỗ trợ cho phù hợp với tình hình thực tế.</p> <p>2. Sở Tài chính Chủ động theo dõi tình hình biến động của giá cả thị trường các mặt hàng thuộc lĩnh vực quản lý, kịp thời báo cáo tình hình giá cả thị trường hằng tháng theo quy định.</p> <p>3. Sở Tài nguyên và Môi trường Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính theo dõi, kiểm tra, đôn đốc quá trình tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất.</p> <p>4. Cục Thống kê tỉnh Công bố năng suất, sản lượng bình quân các loại cây trồng trên địa bàn theo quy định làm căn cứ xác định mức bồi thường khi nhà nước thu hồi đất.</p> <p>5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chủ trì phối hợp với các sở, ngành có liên quan theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện bồi thường, hỗ trợ cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất. Tổng hợp khó khăn, vướng mắc, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.</p>	<p>đạo các phòng, ban chuyên môn tuyên truyền, hỗ trợ, chi trả kịp thời cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất trên địa bàn theo đúng quy định; thường xuyên theo dõi diễn biến giá cả trên địa bàn, báo cáo đề xuất điều chỉnh, bổ sung đơn giá bồi thường, hỗ trợ cho phù hợp với tình hình thực tế.</p> <p>3. Sở Tài chính: Chủ động theo dõi tình hình biến động của giá cả thị trường các mặt hàng thuộc lĩnh vực quản lý, kịp thời báo cáo tình hình giá cả thị trường hằng tháng theo quy định.</p> <p>Bỏ khoản 3.</p> <p>4. Chi cục Thống kê tỉnh: Công bố năng suất, sản lượng bình quân các loại cây trồng trên địa bàn theo quy định làm căn cứ xác định mức bồi thường khi nhà nước thu hồi đất.</p> <p>5. Sở Nông nghiệp và Môi trường: Chủ trì phối hợp với các sở, ngành có liên quan theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện bồi thường, hỗ trợ cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất. Tổng hợp khó khăn, vướng mắc, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.”</p>	<p>hiện chính quyền địa phương hai cấp</p> <p>Chuyển từ khoản 2 thành khoản 3</p> <p>Chuyển nhiệm vụ chung khi sáp nhập Sở Nông nghiệp và PTNT và Sở Tài nguyên và Môi trường thành Sở Nông nghiệp và Môi trường tại khoản 5.</p> <p>Sử đổi tên cơ quan cho phù hợp.</p> <p>Sửa đổi tên các cơ quan chuyên môn cho phù hợp với Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 20/2/2025 của HĐND tỉnh Lai Châu Hợp nhất, thành lập các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh Lai Châu và bổ sung nhiệm vụ tại khoản 3.</p>
Chương V. Quyết định số 06/2025/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND tỉnh quy định diện tích, vị trí, mục đích sử dụng các công trình xây dựng phục vụ trực tiếp trên đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Lai Châu		
<p>Điều 4. Tổ chức thực hiện</p> <p>1. Ủy ban nhân dân các huyện,</p>	<p>Điều 13. Thay thế cụm từ “huyện, thành phố” bằng cụm từ “xã,</p>	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN QPPL SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ	THUYẾT MINH
<p>thành phố có trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn và tổ chức thực hiện Quy định này trên địa bàn. Theo dõi, kiểm tra, xử lý các trường hợp xây dựng công trình trên đất trồng lúa không đúng quy định; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh nếu để xảy ra vi phạm.</p> <p>2. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng và các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan theo dõi, kiểm tra việc thực hiện của các huyện, thành phố. Tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện theo quy định.</p>	<p>phường” tại khoản 1, khoản 2 Điều 4.</p> <p>“Điều 4. Tổ chức thực hiện</p> <p>1. Ủy ban nhân dân các xã, phường có trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn và tổ chức thực hiện Quy định này trên địa bàn. Theo dõi, kiểm tra, xử lý các trường hợp xây dựng công trình trên đất trồng lúa không đúng quy định; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh nếu để xảy ra vi phạm.</p> <p>2. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng và các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan theo dõi, kiểm tra việc thực hiện của các xã, phường. Tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện theo quy định.</p>	<p>Không còn cấp huyện, thực hiện chính quyền địa phương hai cấp</p>
<p>Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban ngành tỉnh; Chủ tịch UBND cấp huyện; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.</p>	<p>Điều 14. Thay thế từ “huyện” bằng từ “xã” tại khoản 2 Điều 5.</p> <p>“2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban ngành tỉnh; Chủ tịch UBND cấp xã; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.</p>	<p>Không còn cấp huyện, thực hiện chính quyền địa phương hai cấp</p>